

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ XÂY DỰNG

Số: 7984 /SXD-HĐXD
V/v báo cáo kết quả thẩm định
Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư
xây dựng công trình khẩn cấp:
Khắc phục sạt lở taluy âm, nền,
mặt đường tại
Km14+500/ĐT.624B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 06 tháng 10 năm 2026

Kính gửi: Giám đốc Sở Xây dựng.

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Luật đầu tư công số 58/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; Nghị định số 210/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xây dựng về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-SXD ngày 21/01/2026 của Giám đốc Sở Xây dựng về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương thuộc Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 32/2025/QĐ-UBND ngày 15/10/2025 của UBND tỉnh ban hành Quy định về một số nội dung quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1664/QĐ-UBND ngày 26/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ủy quyền quyết định đầu tư xây dựng đối với các dự án có cấu phần xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1755/QĐ-UBND ngày 04/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai do mưa, lũ từ ngày 25/10/2025 đến 02/11/2025, bão số 13 từ ngày 05 - 07/11/2025 và mưa, lũ từ ngày 15 - 19/11/2025 gây ra trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị dự toán cấp tỉnh khắc phục thiệt hại do mưa lũ gây ra;

Căn cứ Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành lệnh xây dựng công trình khẩn cấp Khắc phục sạt lở taluy âm, nền, mặt đường tại Km14+500/ĐT.624B;

Căn cứ Quyết định số 66/QĐ-SXD ngày 22/01/2026 của Giám đốc Sở Xây dựng về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình khẩn cấp: Khắc phục sạt lở taluy âm, nền, mặt đường tại Km14+500/ĐT.624B;

Căn cứ Quyết định số 92/QĐ-SXD ngày 23/01/2026 của Giám đốc Sở Xây dựng về việc chỉ định thầu Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình khẩn cấp: Khắc phục sạt lở taluy âm, nền, mặt đường tại Km14+500/ĐT.624B;

Trên cơ sở đề nghị của Sở Xây dựng (Chủ đầu tư) tại Công văn số 6295/SXD-KCHT ngày 13/8/2026 về việc thẩm định, trình phê duyệt Báo cáo KT-KT đầu tư xây dựng công trình: Khắc phục sạt lở taluy âm, nền, mặt đường tại Km14+500/ĐT.624B.

Sau khi xem xét hồ sơ, Sở Xây dựng báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình khẩn cấp, như sau:

I. Thông tin chung về dự án:

1. Tên công trình khẩn cấp: Khắc phục sạt lở taluy âm, nền, mặt đường tại Km14+500/ĐT.624B.

2. Nhóm dự án, loại, cấp công trình thuộc dự án, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án: Dự án nhóm C; Công trình sửa chữa, bảo trì đường bộ.

3. Người quyết định đầu tư: Giám đốc Sở Xây dựng *(được ủy quyền theo Quyết định số 1664/QĐ-UBND ngày 26/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)*.

4. Chủ đầu tư: Sở Xây dựng.

5. Địa điểm xây dựng: Xã Đình Cương, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Giá trị tổng mức đầu tư trình thẩm định: 19,98 tỷ đồng.

7. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh *(theo Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 23/4/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phương án sử dụng nguồn tăng*

thu và dự toán chi còn lại của ngân sách cấp tỉnh năm 2025).

8. Thời gian thực hiện: Năm 2026.

9. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng được áp dụng, tham khảo: Quy trình khảo sát đường ô tô 22TCN263-2000; Quy trình đo vẽ địa hình theo tiêu chuẩn ngành 96TCN43-90; Đường ô tô – Tiêu chuẩn khảo sát TCCS 31:2020/TCĐBVN; Quy trình khảo sát và tính toán thủy văn TCVN9845:2013; Công tác trắc địa trong xây dựng TCVN9398-2012; Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN4054-2005; TCCS 38:2022/TCĐBVN – Áo đường mềm – các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế; TCVN 13567-1:2022 – Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng – thi công và nghiệm thu – phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng đường thông thường; Thi công và nghiệm thu lớp móng cấp phối đá dăm TCVN 8859-2023; Tiêu chuẩn thiết kế bê tông và bê tông cốt thép TCVN 5574-2018; Tiêu chuẩn TCVN 11823-11:2017 Thiết kế cầu đường bộ - phần 10: nền móng; Tiêu chuẩn TCVN 11823-11:2017 Thiết kế cầu đường bộ - phần 11: Mố, trụ và tường chắn; TCCS 13:2016/TCĐBVN Tường chắn rọ đá trọng lực – Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu; Công trình phòng chống đất sụt trên đường ô tô - Yêu cầu khảo sát và thiết kế TCN13346-2021; Công tác đất-Quy phạm thi công và nghiệm thu TCVN 4447-2012; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT; Các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành liên quan khác.

10. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình Thiên Phúc.

11. Đơn vị tư vấn quản lý dự án: Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng 39.

12. Đơn vị tư vấn giám sát thi công: Công ty TNHH Tư vấn tổng hợp Bình Minh.

13. Đơn vị thi công: Công ty TNHH Xây dựng Thành Đạt.

14. Đơn vị quản lý dự án: Công ty TNHH Tam Anh ATP.

II. Hồ sơ trình thẩm định:

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định số 1755/QĐ-UBND ngày 04/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai do mưa, lũ từ ngày 25/10/2025 đến 02/11/2025, bão số 13 từ ngày 05 - 07/11/2025 và mưa, lũ từ ngày 15 - 19/11/2025 gây ra trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị dự toán cấp tỉnh khắc phục thiệt hại do mưa lũ gây ra;

- Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành lệnh xây dựng công trình khẩn cấp Khắc phục sạt lở taluy âm, nền, mặt đường tại Km14+500/ĐT.624B;

- Quyết định số 66/QĐ-SXD ngày 22/01/2026 của Giám đốc Sở Xây

dựng về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình khẩn cấp: Khắc phục sạt lở taluy âm, nền, mặt đường tại Km14+500/ĐT.624B;

- Quyết định số 92/QĐ-SXD ngày 23/01/2026 của Giám đốc Sở Xây dựng về việc chỉ định thầu Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình khẩn cấp: Khắc phục sạt lở taluy âm, nền, mặt đường tại Km14+500/ĐT.624B;

- Các văn bản pháp lý liên quan.

2. Hồ sơ tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế:

- Hồ sơ thiết kế công trình giao thông: Nền, mặt đường; Tường chắn bê tông cốt thép, ...

- Hồ sơ khảo sát địa hình, địa chất đã được phê duyệt.

3. Hồ sơ năng lực của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình Thiên Phúc.

III. Nội dung hồ sơ trình thẩm định:

1. Quy mô chủ yếu:

- Thiết kế tường chắn taluy âm bằng bê tông cốt thép trên nền móng cọc khoan nhồi kết hợp gia cố mái taluy bằng bê tông, thiết kế lại mặt đường bê tông bê tông nhựa, sửa chữa lại hệ thống thoát nước.

- Bề rộng nền đường: $B_n \geq 9,0\text{m}$; Bề rộng mặt đường và lề gia cố: $B_m \geq 8,0\text{m}$; Bề rộng lề đường: $B_l = 2 \times 0,5\text{m} = 1,0\text{m}$.

- Sửa hư hỏng cục bộ mặt đường.

- Thoát nước ngang: Sửa chữa, nối cống D75cm.

- Rãnh thoát nước dọc: Gia cố rãnh thoát nước dọc bằng bê tông có tiết diện hình thang.

- Hệ thống an toàn giao thông: Thiết kế hoàn thiện hệ thống an toàn giao thông theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

2. Giải pháp thiết kế:

2.1. Bình đồ tuyến:

- Phạm vi thiết kế vượt nổi và mở rộng mặt đường từ Km14+430 đến Km14+657,37 ($L=227,37\text{m}$). Trong đó phần thiết kế khắc phục sạt lở taluy âm bằng tường chắn BTCT theo lý trình tim tuyến từ Km14+468,40 đến Km14+614,50 (Chiều dài thiết kế tường chắn $L=141,82\text{m}$); khóa mái đầu, cuối tường chắn bằng rọ đá $L=22+48=70\text{m}$. Gia cố mái taluy nền đường bằng bê tông. Sửa chữa mặt đường bị hư hỏng cục bộ có bề rộng 2m dài 68,07m bên trái tuyến (Km14+599,17 – Km14+667,24).

- Thiết kế theo đường hiện trạng, mở rộng phần mặt đường bên phải tuyến đảm bảo theo đường cấp IV đồng bằng và khắc phục kiên cố điểm sạt lở bằng tường chắn BTCT để đảm bảo việc lưu thông trên tuyến thông suốt.

2.2. Trắc dọc tuyến:

- Giữa nguyên cao độ mặt đường hiện trạng, thiết kế mở rộng nền, mặt đường bên phải tuyến.

2.3. Trắc ngang: Bề rộng nền đường sau mở rộng: $B_{nền} \geq 9,0m$; Bề rộng mặt đường + Lề gia cố sau mở rộng: $B_{mặt} \geq 8,0m$; Bề rộng lề đường đất: $Blề = 0,25m \times 2(bên) = 0,5m$.

2.4. Kết cấu áo đường: mặt đường cấp cao A1 có $E_{yc} \geq 120MPa$. Tải trọng trục thiết kế 100kN.

- Kết cấu áo đường từ trên xuống như sau (đối với phần mặt đường mở rộng): Bê tông nhựa chặt BTNC 16 dày 4cm; Tưới nhựa dính bảm 0,5kg/m²; Bê tông nhựa chặt BTNC19 dày 5cm; Tưới nhựa thấm bảm 1,0kg/m²; Cấp phối đá dăm loại 1 D_{max25} dày 15cm; Cấp phối đá dăm loại 1 $D_{max37.5}$ dày 15cm; Đắp đất K98 dày 50cm.

- Kết cấu áo đường từ trên xuống như sau (đối với phần mặt đường trên đường cũ): Bê tông nhựa chặt BTNC 16 dày 5cm (kể cả lớp bù vênh TB 1cm); Tưới nhựa dính bảm 0,5kg/m²; Mặt đường BTN hiện hữu đang khai thác.

- Kết cấu áo đường đoạn sửa chữa cục bộ: Bê tông nhựa chặt BTNC 16 dày 4cm; Tưới nhựa dính bảm 0,5kg/m²; Bê tông nhựa chặt BTNC19 dày 5cm; Tưới nhựa thấm bảm 1,0kg/m²; Cấp phối đá dăm loại 1 D_{max25} dày 15cm; nền đường cấp phối đá dăm.

2.5. Tường chắn BTCT và gia cố mái taluy.

- Chiều dài thiết kế tường chắn BTCT $L=141,82m$; Chiều dài khóa mái đầu, cuối kè $L=70m$; Thân, móng tường chắn bằng BTCT 25MPa đá 1x2. Bên trong bố trí tầng lọc ngược chạy dọc theo chiều dài tường chắn, kết cấu bằng đá 2x4 được bọc bởi lớp vải địa kỹ thuật, có bố trí các ống thoát nước. Đắp đất đầm chặt K95 sau lưng tường chắn. Gia cố mái taluy nền đường bằng bê tông 12MPa đá 2x4 dày 15cm; Móng tường chắn được đặt trên hệ cọc khoan nhồi đường kính $D=1m$, chiều dài thay đổi từ (4,5-15,5)m và được ngàm trong đá. Cọc khoan nhồi bằng BTCT 30MPa đá 1x2; Xếp rọ đá lưới thép bọc PVC KT(200x100x50)cm dọc mép ngoài tường chắn, kết hợp đổ đá hộc thả rời, đường kính viên đá tối thiểu 40cm, trọng lượng $\geq 160kg$ đối với đoạn trước Dinh Bà $L=23,6m$; Khóa mái đầu, cuối tường chắn bằng bê tông 12MPa M150 đá 2x4 dày 50cm kết hợp rọ đá lưới thép bọc PVC (200x100x100)cm.

- Đoạn gia cố mái taluy cuối tuyến có chiều dài 86,16m, với điểm cuối gia cố mái taluy có lý trình Km14+700,98. Gia cố lề, mái taluy bê tông 12 MPa

dày 15cm, chân khay gia cố mái taluy, khóa cuối tuyến bê tông 12MPa. Tầng lọc ngược kết hợp ống thoát nước.

2.6. Nối cống D75 hiện hữu: Tải trọng thiết kế H30 – XB80; Khổ cống phù hợp với khổ nền đường; Ống cống tròn lắp ghép bê tông M200 đá 1x2; Móng tường đầu, móng tường cánh bê tông M150 đá 2x4; Tường đầu, tường cánh bê tông M150 đá 2x4; Bê tông lót móng thân cống M150 đá 2x4; Gia cố mái taluy hạ lưu 12MPa đá 2x4 dày 15cm.

2.7. Hoàn trả rãnh hình thang hiện hữu: phá đá chắn dòng trong rãnh bê tông hiện hữu bên trái tuyến. Bê tông hoàn trả rãnh 12MPa dày 12cm.

2.8. Thiết kế an toàn giao thông:

- Để đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình khai thác cần phải bố trí hệ thống an toàn giao thông theo Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT

- Hiện tại trên tuyến đã có hệ thống hộ lan mềm, tuy nhiên khi thiết kế mở rộng nền mặt đường cần phải tháo dỡ, di dời về vị trí mới và bổ sung thêm đối với đoạn chưa có trước Dinh Bà.

IV. Kết quả thẩm định:

1. Sự phù hợp của Báo cáo kinh tế kỹ thuật với chủ trương đầu tư: Phù hợp với Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành lệnh xây dựng công trình khẩn cấp Khắc phục sạt lở taluy âm, nền, mặt đường tại Km14+500/ĐT.624B nhằm khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024. Mục tiêu và quy mô đầu tư phù hợp với hiện trạng hư hỏng, tình huống khẩn cấp đã được ban hành.

2. Các yếu tố bảo đảm tính khả thi, hiệu quả của dự án; xác định tổng mức đầu tư xây dựng.

2.1. Các yếu tố bảo đảm tính khả thi, hiệu quả của dự án

- Nguồn vốn, khả năng huy động vốn theo tiến độ: Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị dự toán cấp tỉnh khắc phục thiệt hại do mưa lũ gây ra.

- Phân tích rủi ro, hiệu quả tài chính, hiệu quả kinh tế - xã hội: Dự án hoàn thành sẽ khắc phục sạt lở đoạn mái taluy nền đường, giúp ổn định nền đường, tăng cường khả năng khai thác tuyến.

2.2. Xác định tổng mức đầu tư xây dựng.

a) Sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định tổng mức đầu tư xây dựng: Đầy đủ và phù hợp theo quy định.

b) Kiểm tra kết quả hoàn thiện tổng mức đầu tư xây dựng và nội dung tiếp thu, giải trình của chủ đầu tư theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây

dựng: Hồ sơ đã được chỉnh sửa hoàn thiện.

c) Sự phù hợp tổng mức đầu tư xây dựng so với sơ bộ tổng mức đầu tư và nội dung, yêu cầu của dự án: Dự án chỉ lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình; tổng mức đầu tư xây dựng được lập phù hợp với nội dung, yêu cầu của dự án.

d) Yêu cầu chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ và tổng mức đầu tư xây dựng đề trình người quyết định đầu tư phê duyệt: Đã yêu cầu chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ, tổng mức đầu tư trước khi trình Giám đốc Sở Xây dựng phê duyệt.

e) Sự đầy đủ của hồ sơ tổng mức đầu tư xây dựng; kiểm tra kết quả thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng của tổ chức tư vấn: Hồ sơ tổng mức đầu tư đầy đủ và phù hợp theo quy định.

f) Sự phù hợp của việc xác định khối lượng chủ yếu của công tác xây dựng, chủng loại và số lượng thiết bị tính toán trong tổng mức đầu tư xây dựng so với thiết kế: Phù hợp.

g) Tiếp thu, giải trình các nội dung yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng (nếu có): Không có.

h) Việc xác định giá trị tổng mức đầu tư theo các yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng (nếu có) và bảo đảm phù hợp với giá trị sơ bộ tổng mức đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chỉ dẫn kỹ thuật, biện pháp thi công xây dựng định hướng, công nghệ sử dụng cho dự án, tiến độ thi công công trình và mặt bằng giá thị trường:

- Sự phù hợp phương pháp tính toán các khoản mục chi phí đầu tư xây dựng; tính chính xác, căn cứ của các báo giá, dữ liệu chi phí, định mức xây dựng được sử dụng để xác định giá xây dựng, chi phí đầu tư xây dựng:

- + Các khoản mục chi phí đầu tư xây dựng được lập tuân thủ theo quy định tại Khoản 6 Điều 5, Điều 12 của Nghị định 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ; Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng.

- + Định mức dự toán, cước vận chuyển theo quy định tại Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng; Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;

- Xếp loại đường theo Công văn số 5787/TCĐBVN-QLBTĐB ngày 22/9/2022 của Tổng Cục đường bộ Việt Nam, Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh;

- + Đơn giá nhân công, giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng xây dựng theo Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật; Công văn số 4895/SXD-KTVL ngày 01/7/2026 của Sở Xây dựng về việc ban hành chuyển đổi giá nhân công xây dựng và hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng theo Thông tư số 37/2026/TT-BXD trên địa bàn

tỉnh Quảng Ngãi;

+ Giá vật liệu theo thông báo giá Quý IV/2025 của Sở Xây dựng; Giá nhiên liệu theo Thông cáo báo chí của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) ngày 15/01/2026 và các báo giá của các nhà cung cấp do phòng Kết cấu hạ tầng xây dựng thuộc Sở Xây dựng cung cấp; Dự toán chi phí trong lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

+ Thuế giá trị gia tăng theo Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng; Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ;

+ Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01/6/2026 của Chính phủ quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án;

+ Chi phí thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật theo Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng;

+ Tổng hợp tổng mức đầu tư xây dựng theo Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- Xác định giá trị tổng mức đầu tư sau thẩm định:

Dự toán xây dựng công trình thẩm định: **19.311.652.000** đồng.

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, GPMB	:	100.000.000	đồng
- Chi phí xây dựng	:	16.273.411.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án	:	420.698.000	đồng
- Chi phí Tư vấn đầu tư xây dựng	:	1.090.885.000	đồng
- Chi phí khác	:	511.818.000	đồng
- Chi phí dự phòng	:	914.840.000	đồng

Lưu ý: Giá trị dự toán thẩm định là cơ sở để phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và quản lý chi phí. Công tác thanh quyết toán công trình sẽ được thực hiện theo quy định hiện hành trên cơ sở khối lượng thực tế nghiệm thu, đơn giá hợp đồng đã ký kết, đảm bảo không vượt tổng mức đầu tư được phê duyệt.

i) Phân tích, đánh giá mức độ, nguyên nhân tăng, giảm của các khoản mục chi phí so với giá trị dự toán xây dựng công trình do đơn vị tư vấn lập, thẩm tra (nếu có): Không.

3. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế bản vẽ thi công; điều kiện năng lực hành nghề hoạt động xây dựng của các cá nhân tham gia dự án: Phù hợp theo quy định.

4. Sự phù hợp của thiết kế bản vẽ thi công với quy hoạch làm cơ sở lập dự án theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định 271/2026/NĐ-CP của Chính phủ: Dự án chỉ thực hiện sửa chữa trên tuyến đường cũ.

5. Khả năng kết nối với hạ tầng kỹ thuật khu vực: Dự án chủ yếu thực hiện trên đường cũ nên đảm bảo khả năng kết nối với hạ tầng kỹ thuật khu vực.

6. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và việc áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật: Tuân thủ.

7. Sự đáp ứng yêu cầu của thiết kế bản vẽ thi công về bảo đảm an toàn công trình và biện pháp bảo đảm an toàn công trình lân cận; đánh giá giải pháp thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (nếu có): Đáp ứng; dự án không thuộc diện thiết kế phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

8. Sự phù hợp của thiết kế công nghệ với các yêu cầu của dự án (đối với dự án có thiết kế công nghệ): Dự án không có thiết kế công nghệ.

9. Việc thực hiện thủ tục về môi trường theo pháp luật về bảo vệ môi trường: Dự án không thuộc đối tượng thực hiện thủ tục về môi trường. Dự án chỉ cần quản lý môi trường trong giai đoạn thi công.

10. Hình thức quản lý dự án: Thuê tư vấn quản lý dự án.

11. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật có liên quan và yêu cầu của người quyết định đầu tư: Không.

V. Kết luận:

1. Kết luận: Hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình khẩn cấp: Khắc phục sạt lở taluy âm, nền, mặt đường tại Km14+500/ĐT.624B đủ điều kiện để trình phê duyệt.

2. Trách nhiệm của các phòng, đơn vị liên quan:

a) Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng xây dựng chịu trách nhiệm về việc áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn, vật liệu, giải pháp thiết kế, biện pháp thi công đã sử dụng thi công hoàn thành công trình; tham mưu tổ chức thu hồi công tạm đường công vụ để phục vụ cho công tác duy tu, bảo dưỡng, công tác khắc phục lũ lụt; Kiểm tra khối lượng thực tế để bảo đảm nghiệm thu, thanh toán đúng khối lượng đã thi công thực tế và đúng quy định hiện hành; Trực tiếp tham mưu cho Lãnh đạo Sở tổ chức lập, thẩm định phê duyệt hồ sơ hoàn thành công trình theo quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 14/5/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

b) Về hồ sơ thiết kế và dự toán: Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng xây dựng và Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình Thiên Phúc (đơn vị tư vấn thiết kế) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của số liệu khảo sát hiện trạng, khối lượng tính toán trong hồ sơ thiết kế và dự toán trình thẩm định. Kết quả thẩm định này không thay thế hoặc làm giảm nhẹ trách nhiệm pháp lý của các đơn vị nêu trên đối với sai sót (nếu có) được phát hiện trong quá trình thanh quyết toán công trình.

c) Về công tác thanh quyết toán:

- Việc thanh quyết toán công trình sẽ được thực hiện riêng sau khi hoàn

tất thủ tục phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, hồ sơ hoàn thành công trình, căn cứ vào khối lượng thực tế đã được nghiệm thu tại hiện trường, đơn giá hợp đồng đã ký kết và hồ sơ hoàn công được lập đầy đủ, đảm bảo không vượt tổng mức đầu tư được phê duyệt.

- Chi phí quản lý dự án được tính trong dự toán là chi phí tối đa (đã bao gồm thuế GTGT); Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng xây dựng căn cứ tình hình thực tế để phân chia cho phù hợp.

- Đối với các loại giá vật liệu/thiết bị có thay đổi so với thời điểm lập dự toán: Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng xây dựng có trách nhiệm rà soát, đối chiếu với hợp đồng đã ký kết, đảm bảo tuân thủ quy định về quản lý chi phí.

Sở Xây dựng báo cáo Kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế-kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình, kính đề nghị Giám đốc Sở Xây dựng xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD Sở; PGD Sở (M.V.Hà, T.T.Tin);
- Các phòng: KH&ĐT; QLKCHTXD;
QLCLCTXD;
- Lưu: VT, QLHĐXD(Bình).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Trung Tín